

XX

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
Bộ môn Lịch sử Kinh tế Quốc dân.

ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP BỘ QUẢN LÝ

***VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT VÀ ANH HƯỞNG CỦA NÓ ĐẾN
SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở NÔNG THÔN
VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ SAU CÁCH MẠNG
THÁNG 8 NĂM 1945.**



CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI :

- PGS. PTS Nguyễn trí Dĩnh

Hà Nội - 8/1993

XX

21/24
28/11/95

BAO CAO TONG HOP

KET QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI : "VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT VÀ
 ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI
 Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ SAU CÁCH MẠNG
 THÁNG 8 NĂM 1945"

--*--

LỜI MỞ ĐẦU

Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Ở nước ta đến năm 2000, nông nghiệp giữ vị trí hàng đầu. Để nông nghiệp được phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới, cần tập trung nghiên cứu và giải quyết hàng loạt vấn đề kinh tế xã hội ở nông thôn, trong đó nổi lên hàng đầu là vấn đề ruộng đất.

Do đó trong năm 1992-1993 tập thể một số giáo viên trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà nội (bộ môn LSKT phối hợp với một số giáo viên khoa nông nghiệp) đã đi vào nghiên cứu đề tài : "Vấn đề ruộng đất và ảnh hưởng của nó đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn Việt nam trong thời kỳ sau cách mạng tháng 8-1945".

Việc nghiên cứu đề tài nhằm mục đích yêu cầu sau :

- Tìm hiểu thực trạng của vấn đề ruộng đất nước ta từ sau cách mạng tháng 8-1945 đến nay (thông qua việc nghiên cứu các giai đoạn phát triển của nó).

- Nghiên cứu mối quan hệ giữa vấn đề ruộng đất và phát triển kinh tế xã hội nông thôn nước ta. Những nhân tố tác động đến sự biến đổi đó.

- Rút ra một số bài học kinh nghiệm trong việc xử lý mối quan hệ về ruộng đất và nêu lên một số khuyến nghị về vấn đề này.

Vấn đề ruộng đất ở nước ta đã diễn biến phức tạp và có một quá trình phát triển lâu dài trong lịch sử và tác động đến nhiều mặt ở nông thôn nước ta. Ở đây đề tài giới hạn trọng tâm trong một thời kỳ lịch sử sau cách mạng tháng 8-1945 và nghiên cứu ảnh hưởng của nó đối với sự phát triển kinh tế xã hội nông thôn nước ta trong thời kỳ này.

Trong khi nghiên cứu vấn đề này, các tác giả đã vận dụng tổng hợp nhiều phương pháp : phương pháp lịch sử và logic, phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp hệ thống...

Để đạt được mục đích yêu cầu và vận dụng các phương pháp nghiên cứu nêu trên đề tài đã đi vào nghiên cứu những nội dung sau :

- 1- Vấn đề ruộng đất trước cách mạng tháng 8-1945.
- 2- Ruộng đất trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945-1954)
- 3- Quan hệ ruộng đất ở miền Bắc thời kỳ 1954-1975.
- 4- Vấn đề ruộng đất và nông thôn miền Nam thời kỳ 1954-75
- 5- Ruộng đất trong thời kỳ 1976-1985.
- 6- Sự biến đổi của quan hệ ruộng đất thời kỳ 1986-1990.
- 7- Thực trạng của vấn đề ruộng đất nước ta hiện nay và các giải pháp.

Quá trình nghiên cứu đề tài được thực hiện theo tiến độ sau :

- Từ tháng 5/1992 đến 10/1992 hình thành đề cương và thảo luận.
- Từ tháng 11/1992 đến 3/1993 viết bản thảo lần thứ nhất và thảo luận.
- Từ tháng 4/1993 đến 6/1993 viết bản thảo hoàn thiện.

Các thành viên của đề tài được phân công viết các vấn đề theo thứ tự nội dung nêu trên gồm 7 đồng chí sau :

- Viết phần 1 : Phạm Huy Vinh, bộ môn Lịch sử kinh tế (LSKT)
" " 2 : PGS.PTS Nguyễn trí Dĩnh, chủ nhiệm bộ môn Lịch sử Minh tế.
" " 3 : Hoàng Văn Hoa, bộ môn LSKT
" " 4 : Đinh thị Nhâm, bộ môn LSKT
" " 5 : PTS Phạm thị Quý, bộ môn LSKT
" " 6 : PGS.PTS Đồng xuân Ninh, khoa Nông nghiệp
" " 7 : GS.PTS Nguyễn trần Trọng, khoa nông nghiệp

Ban chủ nhiệm đề tài gồm có :

- PGS PTS Nguyễn trí Dĩnh : chủ nhiệm
PTS Phạm thị Quý : thư ký.

Ban chủ nhiệm chịu trách nhiệm làm báo cáo tổng hợp. Sau đây là nội dung tóm tắt kết quả nghiên cứu của đề tài :

Trước cách mạng tháng 8/1945 xã hội Việt nam đã trải qua hơn nghìn năm dưới chế độ phong kiến và hơn tám mươi năm dưới sự thống trị của thực dân Pháp. Trong thời kỳ đó ruộng đất có sự biến đổi rất lớn trong quan hệ sở hữu. Dưới chế độ thực dân Pháp thống trị quá trình tập trung ruộng đất nhanh chóng tập trung trong tay tư bản Pháp (20% diện tích canh tác) và địa chủ phong kiến (50% diện tích canh tác),

Trong khi đó nông dân chiếm hơn 90% dân số nhưng chỉ sở hữu 20% diện tích canh tác. Phần còn lại là công điền công thổ. Trong điều kiện đó, sở hữu ruộng đất và quan hệ sản xuất phong kiến đã trở nên lạc hậu, kìm hãm sự phát triển của sản xuất nông nghiệp và bóc lột cùng kiệt người lao động, bần cùng hoá nông dân. Vì vậy vấn đề ruộng đất trở thành một trong hai nhiệm vụ chiến lược của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt nam.

I- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH RUỘNG ĐẤT VÀ ANH HƯNG CỦA NƠI ĐỔI VOI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NÔNG THÔN SAU CÁCH MẠNG THÁNG 8-1945

1) Diễn biến và đặc điểm tình hình ruộng đất.

a- Trong thời kỳ kháng chiến (1945-1954).

Sau khi cách mạng tháng Tám thành công chính quyền cách mạng đã lãnh đạo nông dân từng bước giải quyết vấn đề ruộng đất bằng các biện pháp như : ra sắc lệnh giảm tô 25%, tạm cấp ruộng đất của thực dân và địa chủ phần động chia cho nông dân... Đến cuối thời kỳ kháng chiến, luật cải cách ruộng đất được thông qua (tháng 12-1953) và được thực hiện 2 đợt ở một số địa phương. Đến ngày kháng chiến thắng lợi ở một số tỉnh phía Bắc đã tịch thu, trưng mua được 44.500 ha ruộng đất chia cho nông dân. Ở các tỉnh từ liên khu 5 vào đến Nam bộ nông dân được chia cấp trên 750.000 ha ruộng đất. Cải cách ruộng đất đã đánh vào thế

lực của địa chủ, tạo điều kiện để nông dân có quyền sở hữu ruộng đất, trở thành người chủ đích thực, có quyền chủ động kinh doanh trên mảnh đất của họ.

b) Trong giai đoạn từ 1954-1975 đất nước tạm thời chia cắt làm hai miền .

- Ở miền Bắc đã tiếp tục và hoàn thành cải cách ruộng đất trong 3 năm 1955-1957 (kể cả sửa sai) xoá bỏ hoàn toàn sở hữu ruộng đất của địa chủ. Kết quả đã tịch thu, trưng thu, trưng mua 81 vạn ha ruộng đất của địa chủ chia cho hơn 2,1 triệu hộ nông dân gồm 8,3 triệu người, thực hiện khẩu hiệu "người cày có ruộng" ước mơ ngàn đời của người nông dân đã được thực hiện. Ruộng đất đã thuộc về tư hữu của người nông dân. Sau cải cách ruộng đất, Đảng và chính phủ chủ trương cải tạo XHCN mà "Hợp tác hoá nông nghiệp được coi là khâu chính trong toàn bộ sợi dây chuyền cải tạo XHCN ở miền Bắc nước ta". Thực chất của quá trình này là tập thể hoá tư liệu sản xuất đặc biệt là ruộng đất, xoá bỏ sở hữu cá thể của nông dân về ruộng đất và các tư liệu sản xuất chủ yếu khác.

Hợp tác hoá nông nghiệp được coi là "ơ bản hoàn thành" vào năm 1960 khi đã thu hút được 85,8% tổng số hộ nông hộ và 73% diện tích canh tác vào HTX SXNN bậc thấp với qui mô nhỏ.

Trong giai đoạn tiếp theo từ 1961 đến 1975 tiếp tục thu hút số nông dân cá thể còn lại vào HTX. Đến năm 1975 thì HTXSXNN đã chiếm 95,6% tổng số nông hộ và 95,2% diện tích canh tác. Đồng thời HTXSXNN được đưa từ bậc thấp qui mô nhỏ lên bậc cao với qui mô lớn hơn. Năm 1975 HTX bậc cao chiếm 93,1% diện tích canh tác.

Bên cạnh đó các nông trường quốc doanh cũng được hình thành trên cơ sở tịch thu các đồn điền của thực dân Pháp hoặc do nhà nước đầu tư xây dựng. Song NTQD mới chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong diện tích canh tác và chủ yếu trồng cây công nghiệp ở vùng trung du và miền núi. Như vậy đặc điểm về ruộng đất ở thời kỳ này ở miền Bắc là sự thống trị tuyệt đối của sở hữu công cộng (sở hữu Nhà nước và tập thể) Nông dân bị tách ra khỏi ruộng đất.

- Ở miền Nam - trong những năm 1955-1963 Mỹ nguy chủ trương khôi phục lại sở hữu ruộng đất của địa chủ. Bị sự phản đối của nông dân, và để lôi kéo nông dân, trong giai đoạn cuối Mỹ nguy đã thay đổi chính sách ruộng đất, hạn chế sở hữu ruộng đất của địa chủ, thực hiện "luật người cày có ruộng" nhằm hướng nông nghiệp miền Nam theo con đường tiểu nông tư bản chủ nghĩa.

Ngược lại, chính sách ruộng đất của mặt trận và chính quyền cách mạng ở miền Nam lại là sự tiếp tục cuộc cách mạng ruộng đất trong thời kỳ kháng chiến. Vùng giải phóng được mở rộng đến đâu thì ruộng đất được chia cho nông dân đến đó. Tính đến năm 1965 đã có 70% diện tích canh tác toàn miền Nam đã thuộc sở hữu của nông dân cá thể.

Do vậy đến trước ngày giải phóng miền Nam, tầng lớp trung nông đã chiếm đa số ở nông thôn, họ chiếm từ 51% đến 87% tổng số hộ nông dân tùy theo các địa phương khác nhau.

c) Trong giai đoạn 1976-1980

- Ở miền Bắc tiếp tục củng cố chế độ sở hữu ruộng đất của các HTX bằng cách mở rộng qui mô của các HTX; các NTQD cũng được tiếp tục phát triển.

- Ở miền Nam đã tiến hành điều chỉnh lại ruộng đất theo kiểu "cân bằng" bằng biện pháp vận động nông dân có nhiều ruộng san sẻ cho những hộ không có hoặc có ít ruộng. Đồng thời tiến hành tập thể hoá nông nghiệp theo mô hình của miền Bắc trước đây. Tính đến cuối năm 1979 đã có 22,4% tổng số hộ vào các tập đoàn sản xuất và 21,1% tổng số nông hộ vào HTXSXNN.

Nhìn chung đến năm 1980 mô hình HTX sản xuất nông nghiệp gắn với việc tập thể hoá ruộng đất, tư liệu sản xuất khác và lao động được thực hiện trên phạm vi cả nước.

d) Trong giai đoạn từ sau năm 1980, khi chế độ khoán sản phẩm theo chỉ thị 100 của Ban bí thư được ban hành, mối quan hệ với ruộng đất của nông dân đã được thay đổi, đặc biệt là trong

vấn đề sử dụng ruộng đất. Tiếp theo, sau khi luật đất đai được ban hành (1/1988) và nghị quyết 10 của Bộ chính trị (4/1988) thì quan hệ ruộng đất đã có những thay đổi căn bản, thêm chỉ được coi là "cải cách ruộng đất lần thứ hai". Trong giai đoạn này ruộng đất được coi là thuộc quyền sở hữu của nhà nước, nhưng hộ gia đình (kể cả hộ gia đình cá thể, gia đình xã viên trong HTX và gia đình công nhân trong các MTQD) được coi là đơn vị sản xuất kinh doanh tự chủ, được giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài. Và gần đây trong luật đất đai còn thừa nhận cả quyền thừa kế, chuyển đổi, chuyển nhượng cho thuê và thế chấp, quyền sử dụng ruộng đất của các hộ gia đình nông dân.

Những diễn biến của tình hình sở hữu và sử dụng ruộng đất trong các giai đoạn này đã tác động rất lớn đến tình hình kinh tế xã hội nông thôn.

2) Ảnh hưởng của quan hệ ruộng đất đến sự phát triển kinh tế - xã hội nông thôn :

Trong các bài viết của mình, các tác giả đã phân tích sự tác động của vấn đề ruộng đất đến đời sống kinh tế xã hội, nông thôn nước ta sau cách mạng tháng 8-1945 trên các mặt chủ yếu sau đây :

a/ Về quan hệ ruộng đất :- Cơ sở của quan hệ sản xuất trong nông nghiệp.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp trong phạm vi cả nước và kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam đến năm 1975 cũng như thời kỳ khôi phục kinh tế ở miền Bắc 1955-1957 vấn đề ruộng đất được đặt ra như một nhiệm vụ chiến lược - nhiệm vụ phản phong, nhằm đưa ruộng đất về tay nông dân, thừa nhận quyền sở hữu cá thể của họ. Nó đã thay thế chế độ sở hữu ruộng đất của bọn thực dân và địa chủ phong kiến, đưa người nông dân lên địa vị làm chủ ruộng đất, làm chủ nông thôn. Họ có quyền tự do kinh doanh, quyết định mọi vấn đề về sản xuất, quản lý phân phối sản phẩm trên mảnh đất của họ.

Sở hữu của người nông dân trong giai đoạn đó mặc dù còn nhỏ bé, phân tán, manh mún, song nó vẫn còn phù hợp với trình

độ của lực lượng sản xuất lúc bấy giờ, và đã là động lực thúc đẩy sản xuất nông nghiệp (trong thời kỳ chiến tranh sản xuất nông nghiệp về cơ bản được giữ vững, khi chiến tranh tạm ngừng, sản xuất được phát triển nhanh hơn.

- Trong thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa gắn với chế độ hợp tác đến năm 1980 quan hệ ruộng đất có sự thay đổi theo một xu hướng phát triển chủ đạo là ruộng đất được tập thể hoá một cách triệt để. Sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, mà đặc biệt là sở hữu cá thể về ruộng đất bị coi là mâu thuẫn đối kháng với CNXH. Việc cải tạo về quan hệ sở hữu được coi là yếu tố quan trọng nhất. Vì vậy quá trình tập thể hoá ruộng đất được tiến hành hết sức nhanh chóng.

Trong mối quan hệ đó người nông dân đã bị tách ra khỏi ruộng đất. Ruộng đất mới chỉ được qua tay dân cày trong một thời gian quá ngắn. Chiến dịch HTX ở ợt đã cuốn họ vào các HTX khi họ chưa kịp suy nghĩ trên ruộng cày của họ. Trên thực tế họ đã mất quyền sở hữu, quyền sử dụng ruộng đất và quyền sản xuất kinh doanh với tư cách là một đơn vị sản xuất tự chủ.

Trong mối quan hệ ruộng đất như vậy cũng không làm rõ vai trò giữa HTX và nhà nước, ai là người chủ đích thực đối với ruộng đất. Trong thực tế nhà nước đã can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX cũng không khác gì nhiều lắm đối với các NTGD. Hợp tác xã tổ chức quản lý sử dụng ruộng đất song phải tuân theo hàng loạt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất và tiêu thụ mang tính mệnh lệnh trực tiếp từ các cấp quản lý của nhà nước. Nhà nước định ra giá cả và khối lượng hồng sản giao nộp hoặc bán cho nhà nước, đồng thời cung ứng một phần tư liệu sản xuất cho HTX. Do vậy trong phân phối sản phẩm, nhà nước không chỉ nhận được phần thuế nông nghiệp, mà cả một phần thông qua việc thu mua nông sản trong và ngoài nghĩa vụ do nhà nước qui định với giá thường thấp hơn so với giá thị trường tự do. Thậm chí ở nhiều nơi HTXSXNN còn phải gánh thêm một phần chi phí cho các tổ chức và chính quyền Nhà nước ở các địa phương.

Người nông dân trong HTX trên thực tế đã trở thành người làm thuê "ăn công điểm" cho HTX. Trong nhiều năm, phương thức phân phối sản phẩm cho xã viên HTX thực hiện theo nguyên tắc bình quân (tối thiểu 13 kg tối đa 17kg theo nhân khẩu), hoặc do tình trạng "dòng công phóng điểm" đã làm cho giá trị ngày công giảm dần, phần thu từ HTX tèo dần không đảm bảo đời sống của xã viên. Đó là kết quả của chế độ sở hữu tập thể và làm cho người nông dân từ chỗ coi đất đai là máu thịt của mình đã trở lên thờ ơ xa lạ, quay lưng lại với ruộng đất của tập thể. Họ quay về chăm chút mảnh ruộng phần trăm bố nhỏ, hoặc làm thêm nghề phụ để đảm bảo cuộc sống.

- Trong giai đoạn 1981-1985 quan hệ ruộng đất có sự thay đổi một chút nhờ thực hiện cải tiến quản lý HTX theo chính sách khoán 100 - chỉ thị của ban bí thư tháng 1/1981. Theo chính sách khoán 100 (khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động), quyền tự chủ của HTX được mở rộng hơn (áo sự can thiệp của nhà nước thu hẹp lại), đặc biệt là quyền chủ động của người nông dân trên phần đất nhận khoán được tăng cường hơn. Trên thực tế đã cho phép người lao động được làm chủ ruộng đất ở những khâu khoán cho họ. Điều đó đã làm cho người nông dân gắn bó với đất đai hơn, tăng đầu tư vốn và lao động để thâm canh tăng năng suất cây trồng.

Tuy vậy những mâu thuẫn trong vấn đề sở hữu và sử dụng ruộng đất của giai đoạn trước vẫn chưa được giải quyết và lại phát sinh những mâu thuẫn mới. Vì trong chế độ khoán 100, HTX vẫn là người quản lý trực tiếp ruộng đất, có quyền giao khoán, định mức khoán, điều chỉnh mức khoán, quản lý và phân phối phần lớn sản phẩm do các xã viên HTX làm ra. Do vậy nhiều nơi đã tùy tiện rút ngắn thời gian định mức khoán nâng lên quá cao. Có nơi nông dân chỉ còn được nhận 15% đến 20% sản lượng khoán. Phần vượt khoán không bù đắp được chi phí mà họ bỏ ra. Do đó đã có hiện tượng nông dân trả lại ruộng khoán cho HTX - hiện tượng nông dân quay lưng lại với ruộng đất xuất hiện lần thứ hai rõ ràng có liên quan đến mối quan hệ giữa họ với ruộng đất. Họ chưa phải là người chủ đích thực của mảnh đất mà họ nhận khoán.

- Đại hội Đảng cộng sản Việt nam lần thứ sáu đánh dấu mốc quan trọng trong sự nghiệp đổi mới nền kinh tế, trong đó có cả vấn đề ruộng đất. Luật đất đai (1/1988) và nghị quyết 10 Bộ chính trị (4/1988) đã làm rõ những cải cách cơ bản về quan hệ ruộng đất.

Việc khẳng định quyền sở hữu tối cao của nhà nước đồng thời trao quyền sử dụng lâu dài cho các nông lâm trường và cá nhân đã làm thay đổi quan hệ sở hữu theo chế độ tập thể hoá và quốc doanh hoá trước đây. Trong NTQĐ cũng từng bước thực hiện việc trao quyền tự chủ sản xuất kinh doanh, sử dụng đất đai, lấy hộ làm đơn vị sản xuất cơ bản, tiến hành khoán tổng hợp theo kết quả cuối cùng, gắn đất đai với lao động đã tạo ra động lực thúc đẩy sản xuất.

Kinh tế tư nhân trong lĩnh vực khai thác, sử dụng ruộng đất sao cho có hiệu quả đang được khuyến khích. Sự liên doanh liên kết, các hình thức hợp tác đa dạng theo kiểu mới đang xuất hiện và tỏ ra có nhiều ưu điểm.

b) Đối với sự phát triển sản xuất nông nghiệp.

Quan hệ ruộng đất có tác động lớn, đôi khi có tính quyết định, đối với sự phát triển của sản xuất nông nghiệp.

- Trong điều kiện khó khăn của thời kỳ kháng chiến, khi điều kiện phát triển lực lượng sản xuất còn nhiều hạn chế, song nhờ có chính sách đúng đắn, tạo nên quan hệ ruộng đất phù hợp, đã có tác động tích cực đến việc giữ vững sản xuất nông nghiệp. Ở vùng giải phóng sản lượng lương thực năm 1954 so với năm 1946 đạt 113,7%. Sản lượng hoa màu và chăn nuôi tăng nhanh đảm bảo nhu cầu tự cung tự cấp cho kháng chiến, dân sinh. Trong những năm khôi phục kinh tế ở miền Bắc 1955-1957, miền phần khởi của nông dân sau cải cách ruộng đất trở thành nhân tố chủ yếu nâng cao năng suất và sản lượng nông nghiệp. Năm 1957 sản lượng lương thực đạt 3,95 triệu tấn, vượt 64% với mức cao nhất trước chiến tranh vào năm 1939 : 2,4 triệu tấn.